

Bản án số: 23/2021/HS-ST

Ngày: 04 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thái Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Huỳnh;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Liên;

- **Thư ký phiên tòa:** ông Đặng Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** ông Vũ Tất Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 04 và ngày 04 tháng 05 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày 09-3-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 09-4-2021 đối với bị cáo:

Lê Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1987 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: Trần Phú, Phường 5, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: thuyền trưởng; trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Bé H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1961; vợ: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1990, con: có 01 con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2020 đến ngày 05/06/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đinh Thị Quý - Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Thành B, sinh năm 1968; địa chỉ: đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa);

2. Ông Phan Quốc T, sinh năm 1979. Địa chỉ: đường Trần Phú, phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt tại phiên tòa);

4. Ông Lê Văn Bé H, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên tòa);

5. Ông Huỳnh Chí N, sinh năm 1968. Địa chỉ: tổ 10, ấp P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa);

6. Ông Trần Thành Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt tại phiên tòa);

7. Ông Đặng Hữu T, sinh năm 1965. Địa chỉ: đường Bạch Đằng, phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt tại phiên tòa);

8. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được việc mua dầu Diesel Oil (D.O) không rõ nguồn gốc, xuất xứ trên biển có giá rẻ hơn so với giá thị trường và bán lại cho các tàu đánh bắt hải sản sẽ thu được lợi nhuận cao nên ngày 20/12/2018, Lê Hải Đ liên lạc gặp ông Võ Thành B là chủ sở hữu tàu KM68, số đăng ký BV-96768 TS, để thuê tàu với lý do kinh doanh dịch vụ hậu cần thủy sản. Ông B đồng ý cho Đ thuê tàu với giá 80 triệu đồng/tháng, hai bên thỏa thuận bằng lời nói, không ký kết hợp đồng. Sau khi thuê được tàu, Đ liên lạc gặp đối tượng tên Quang H (không rõ nhân thân, địa chỉ) tại quán café Ô cấp ở thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đặt vấn đề mua dầu D.O. H đồng ý bán cho Đ số lượng 600.000 lít dầu D.O với giá 14.000 đồng/lít, giá trị tổng cộng là 8.400.000.000 đồng. Đ đưa trước cho H số tiền 4.200.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau. H nói cho Đ biết việc giao nhận dầu trên biển vào ngày 25/12/2018 tại vị trí có tọa độ 06⁰50'N - 105⁰10'E (thuộc vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam) và cung cấp cho Đ kênh bộ đàm của tàu giao dầu D.O.

Ngày 23/12/2018, Lê Hải Đ thuê 06 thuyền viên gồm: ông Nguyễn Tấn P; ông Lê Văn Bé H; ông Huỳnh Chí N; ông Đặng Hữu T; anh Lâm Văn T và anh Trần Thành Đ cùng Đ điều khiển tàu KM68 đi từ khu vực cảng B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến vị trí tọa độ mà đối tượng Quang H đã cung cấp. Ngày 25/12/2018, Đ điều khiển tàu KM68 vào vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam (tọa độ 06⁰50'N - 105⁰10'E) thì gặp một tàu mang tên VIVA ONE, không rõ số hiệu, quốc tịch, không có trong sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam. Đ dùng bộ đàm liên lạc qua kênh bộ đàm mà đối tượng H đã cung cấp biết được tàu tên VIVA ONE là tàu bán dầu nên đã cho tàu KM68 cập mạn để nhận dầu D.O. Trong quá trình bơm nhận dầu, Đ nói thuyền viên Trần Thành Đ sang tàu VIVA ONE để kiểm tra số lượng dầu cấp sang tàu KM68. Thuyền viên Đ kiểm tra 04 đồng hồ của 04 máy bơm dầu trên tàu VIVA ONE thấy đủ số lượng 600.000 lít nên ký vào một tờ giấy do một người trên tàu VIVA ONE đưa để xác nhận số lượng 600.000 lít D.O và giao lại cho Đ.

Nhận dầu xong, Đ điều khiển tàu đi về hướng vùng biển C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để bán dầu vừa mua được cho các tàu đánh bắt hải sản khác kiếm lợi nhuận. Trên hải trình, Đ sử dụng thiết bị định vị vệ tinh AIS, hệ thống liên lạc trên thiết bị AIS của tàu KM68 để nhận dạng các tàu xung quanh và liên lạc với tài công của các tàu để trao đổi, thỏa thuận việc mua bán dầu D.O với giá 14.800 đồng/lít; phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc trao đổi bằng hải sản. Khi có tàu mua dầu, Đ lấy số điện thoại của chủ tàu (được Đ ghi vào một cuốn sổ nhỏ) để trực tiếp thỏa thuận việc mua bán dầu và thanh toán tiền hoặc hải sản sau khi tàu cập cảng. Trong các ngày 25, 26, 27/12/2018, Đ đã thỏa thuận, bán dầu cho 16 chủ tàu với tổng số lượng 422.310 lít dầu D.O, trong đó Đ liên lạc bán cho tài công tên Ch của tàu tên TT 66, biển số đăng ký BV-93939TS do ông Phan Quốc T làm chủ với số lượng 55.500 lít dầu. Đến khoảng 23 giờ 40 phút ngày 27/12/2018, khi Đ đang cho tàu KM68 cập mạn, bơm dầu để bán qua 02 tàu đánh bắt hải sản (không rõ tên, số đăng ký tàu) tại khu vực biển thuộc vùng lãnh hải Việt Nam có tọa độ $08^{\circ}59'N - 107^{\circ}20'E$ thì bị lực lượng tuần tra thuộc Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 3 phát hiện. Thấy vậy, Đ vứt bỏ cuốn sổ ghi số điện thoại của người mua dầu xuống biển; còn hai tàu đang bơm dầu tháo dây bỏ trốn làm thất thoát một lượng lớn dầu D.O. Lực lượng tuần tra đã tiến hành kiểm tra tàu KM68 thu giữ phương tiện cùng các giấy tờ liên quan, 01 thiết bị định vị vệ tinh AIS, 01 điện thoại vệ tinh AIS, 12 điện thoại di động của các thuyền viên trên tàu, 59 mảnh giấy có ghi thông tin và số lượng 91.856 lít dầu D.O trên tàu KM68.

Sau khi bị thu giữ toàn bộ giấy tờ và mất cuốn sổ ghi thông tin liên quan đến việc mua bán dầu, Đ không biết số hiệu, tên tàu và thông tin các chủ tàu đã mua dầu D.O của Đ trước đó nên không liên lạc được với các chủ tàu để thanh toán tiền bán dầu. Đến khoảng cuối năm 2018, Đ liên lạc với ông Phan Quốc T là chủ tàu TT 66 biển số đăng ký BV-93939TS để yêu cầu thanh toán tiền mua số lượng 55.500 lít dầu D.O mà tài công tên Ch đã mua trước đó. Ông T nói ông Ch giao cho Đ số lượng 1.679kg mực khô để thanh toán tương đương với số lượng dầu D.O đã mua. Sau đó, Đ mang số lượng hải sản trên bán lấy tiền trả lương cho thuyền viên, người trông coi tàu, trả cho ông Võ Thành B số tiền 60 triệu đồng tiền thuê tàu và sử dụng cá nhân hết.

Căn cứ vào vị trí tọa độ lực lượng tuần tra Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 3 kiểm tra thu giữ số lượng 91.856 lít dầu D.O thuộc vùng lãnh hải Việt Nam và số lượng 55.500 lít dầu D.O mà Đ bán cho tàu TT 66 biển số đăng ký BV-93939TS được thanh toán bằng hải sản trong đất liền (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) và thu được lợi nhuận tiền chênh lệch giá dầu ($14.800 \text{ đồng/lít} - 14.000 \text{ đồng/lít} = 800 \text{ đồng/lít}$), có cơ sở xác định Lê Hải Đ đã buôn bán trái phép qua biên giới với tổng số lượng 147.356 lít dầu D.O ($91.856 \text{ lít} + 55.500 \text{ lít}$).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 41/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận: tại thời điểm ngày 25/12/2018 và ngày 27/12/2018, đơn giá 01 lít dầu Diesel Oil (D.O) loại Euro 3, TCVN 5689:2013 là 16.000 đồng/lít. Như

vậy, Lê Hải Đ đã thực hiện hành vi buôn lậu với số lượng 147.356 lít dầu D.O có giá trị 2.357.696.000 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc bán 55.500 lít dầu D.O là $(14.800 \text{ đồng} - 14.000 \text{ đồng}) \times 55.500 \text{ lít} = 44.400.000 \text{ đồng}$.

Đối với số lượng 452.644 lít dầu D.O (600.000 lít – 147.356 lít) do Đ bán trên biển cho các tàu đánh bắt hải sản không xác định được vị trí tọa độ thuộc vùng lãnh hải, vùng nội thủy Việt Nam hay vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam và Đ cũng chưa nhận được tiền thanh toán của các chủ tàu nên chưa đủ căn cứ để xác định số lượng dầu này buôn bán trái phép qua biên giới để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đ.

Quá trình điều tra, Lê Hải Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do Đ thực hiện, tự khai nhận về việc thỏa thuận mua bán dầu D.O và vị trí tọa độ giao nhận dầu D.O trên biển.

Ngoài ra, Lê Hải Đ còn tự khai nhận trước đó trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2018, Đ được các đối tượng không rõ nhân thân, địa chỉ tên Tuyền, Ngọc thuê làm thuyền trưởng tàu KM68 thực hiện 03 chuyến nhận, chở dầu trên biển bán cho các tàu đánh bắt hải sản khác theo yêu cầu của đối tượng Tuyền. Đ khai chỉ được đối tượng Tuyền trả lương thuê hàng tháng, không được bàn bạc, thỏa thuận hay được chia lợi nhuận từ việc mua bán dầu trên biển, cụ thể:

Chuyến thứ nhất và chuyến thứ 2: khoảng giữa tháng 5 và đầu tháng 8/2018, Đ 02 lần điều khiển tàu KM68 đến khu vực biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam có tọa độ $06^{\circ}10'N - 105^{\circ}10'E$ nhận dầu từ tàu có tên VIVA ONE (không rõ số hiệu, quốc tịch) lần lượt với số lượng 600.000 lít và 620.000 lít dầu D.O. Sau khi nhận dầu, Đ điều khiển tàu KM68 chạy theo hướng về vùng biển C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu rồi thông qua hệ thống AIS, bộ đàm bán toàn bộ số lượng dầu D.O trên cho các tàu đang hoạt động đánh bắt hải sản tại khu vực biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam có tọa độ $08^{\circ}40'N - 107^{\circ}42'E$ và tại khu vực biển thuộc vùng lãnh hải Việt Nam có tọa độ $09^{\circ}00'N - 107^{\circ}20'E$.

Chuyến thứ 3: khoảng cuối tháng 8/2018, Đ điều khiển tàu KM68 đến khu vực biển thuộc vùng nội thủy Việt Nam có tọa độ $09^{\circ}07'N - 107^{\circ}08'E$ mua của một tàu chở hàng không rõ tên, số hiệu với số lượng 13.000 lít dầu D.O. Sau đó, Đ cho tàu chạy về cảng S ở thành phố V tránh bão do thời tiết xấu. Đến tháng 9/2018, Đ điều khiển tàu KM68 chở số lượng dầu trên đến khu vực biển thuộc vùng nội thủy Việt Nam có tọa độ $10^{\circ}25'N - 107^{\circ}50'E$ để bán cho các tàu đánh bắt hải sản trên biển thì bị lực lượng Biên phòng tỉnh Bình Thuận phát hiện, kiểm tra lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ số lượng dầu trên.

Kết quả xác minh các số thuê bao điện thoại di động của các đối tượng tên Quang H, Tuyền mà Đ đã liên lạc trong quá trình mua bán dầu, được thuê làm thuyền trưởng xác định các chủ thuê bao đứng tên người khác, họ không quen biết Đ hoặc không có mặt tại địa phương theo thông tin đã đăng ký thuê bao điện thoại.

Tại Chứng thư giám định phẩm chất số 18G10ND00801-01 của Công ty TNHH giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh kết luận: các chỉ tiêu phân tích phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng cho dầu nhiên liệu Diesel Oil (D.O) loại Euro 3 theo TCVN 5689:2013; không xác định được nguồn gốc xuất xứ của loại hàng hóa này.

Tại Chứng thư giám định khối lượng số 18G10ND00801-02 của Công ty TNHH giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh kết luận: số lượng dầu D.O thu giữ là 91.856 lít.

Tại Kết luận giám định số: 713/C09B ngày 08/01/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với 01 thiết bị định vị hàng hải nhãn hiệu HAIYANG, model: HD-70C kết luận: “Không tìm thấy và khôi phục được dữ liệu về tọa độ (ở thời gian từ ngày 01/12/2018 đến ngày 28/12/2018) còn lưu trên thiết bị”.

Tại Kết luận giám định số 714/C09B ngày 14/01/2019 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với các điện thoại di động, điện thoại vệ tinh thu giữ trên tàu kết luận: kết quả dữ liệu về tin nhắn văn bản, lịch sử cuộc gọi, chat, hình ảnh tại các điện thoại di động được lưu trữ trong đĩa DVD nhưng kết quả các dữ liệu không liên quan đến vụ án; không trích xuất được dữ liệu được tạo ra, lưu trữ truyền đi hoặc nhận được trong thiết bị điện thoại vệ tinh.

Căn cứ văn bản số: 484/ĐĐBĐVN-CN ngày 13/5/2019 và văn bản số 587/ĐĐBĐVN-CN ngày 26/6/2020 của Cục đo đạc bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam - Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định vị trí như sau:

- Vị trí mua dầu $06^{\circ}50'N - 105^{\circ}10'E$ thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, vị trí bán dầu bị bắt quả tang $8^{\circ}59'N-107^{\circ}20'E$ thuộc vùng lãnh hải của Việt Nam.

- Vị trí mua dầu $06^{\circ}10'N - 105^{\circ}10'E$ thuộc vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam, vị trí bán dầu $08^{\circ}40'N - 107^{\circ}42'E$ thuộc vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam và vị trí $09^{\circ}00'N - 107^{\circ}20'E$ thuộc vùng lãnh hải Việt Nam.

- Vị trí mua dầu $09^{\circ}07'N - 107^{\circ}08'E$ và vị trí bán dầu $10^{\circ}25'N - 107^{\circ}50'E$ đều thuộc vùng nội thủy của Việt Nam.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Đối với 91.856 lít dầu D.O thu giữ từ tàu KM68, Bộ tư lệnh vùng Cảnh sát biển 3 đã tiến hành thủ tục thẩm định giá, bán đấu giá tài sản được số tiền 982.859.200 đồng và chuyển vào tài khoản của Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Đối với Tàu KM68, số đăng ký BV-96768TS thuộc sở hữu của ông Võ Thành B. Ngày 30/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 07/QĐXLVC-PC03-Đ6 tạm giao tàu cho ông B để trông coi, bảo quản; hiện tàu đang neo đậu tại khu vực cảng S-B;

- 01 điện thoại vệ tinh Inmarsat, model S-09, số serial: S130701826;

- 01 máy định vị vệ tinh nhãn hiệu Haiyang; số serial: 70A00VNAE0D007 (không có thẻ nhớ);

- 12 điện thoại di động bao gồm: 01 điện thoại di động HTC 820 Gplus, số Imei: 352417071517866; 01 điện thoại di động Samsung E1200y, màu trắng, số Imei: 356902082267037; 01 điện thoại Samsung J5 Prime, màu đen, số Imei : 3550790850682; 01 điện thoại nokia 220, màu đen, số Imei: 353057061454909; 01 điện thoại Nokia 105, màu đen, số Imei: 353681084444462; 01 điện thoại ITTEL S12, màu hồng, số Imei: 354384093675445; 01 điện thoại Samsung J4, màu tím, số Imei: 358131093605310; 01 điện thoại Samsung J8, màu đồng, số Imei : 359051092685999; 01 điện thoại Samsung J3 Pro, màu trắng bạc, số Imei : 358868085214623; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh, số Imei: 355820098838792; 01 điện thoại Sony Xpria Z, màu đen, số Imei: 355666051098613; 01 điện thoại Nokia 3310, màu đen, số Imei : 357329082882913;

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 865/ĐKTC ngày 25/05/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cấp cho tàu BV-96768-TS (bản chính và bản sao); bản sao số Đăng kiểm tàu cá số 05/QT/17 ngày 12/04/2017 do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp cho Tàu cá BV 096768-TS;

- 01 sổ đăng kiểm tàu cá BV 96768-TS;

- 01 biên bản kiểm tra kỹ thuật ngày 25/05/2018 (bản sao y chứng thực);

- Danh sách thuyền viên số: 01A/DSTV ngày 28/12/2018 của Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển 3 cấp cho tàu BV-96768-TS;

- 01 sổ danh bạ thuyền viên tàu cá KMBV 096768-TS;

- Căn cước công dân số 087087000130 của Lê Hải Đ; chứng minh nhân dân số 271477577 do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Đặng Hữu T; chứng minh nhân dân số 371645520 ngày 22/02/2018 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp cho Trần Thành Đ;

- Chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng tư số 11679 ngày 27/01/2014 của Trường trung cấp kỹ thuật Nông nghiệp Tp.HCM cấp cho Lê Hải Đ;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 49.8030311 (bản sao y chứng thực);

- 01 hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu số 24/2018/HĐDLBTXD-TT (photo);

- 01 hợp đồng mua bán dầu DO số 16/2018/HĐKT (bản chính);

- 01 Biên lai thu tiền của Kho bạc Bình Thuận (photo);

- 01 Hóa đơn GTGT số 0001699 liên 2 đề ngày 16/09/2018 (bản chính);

- 59 mảnh giấy.

Toàn bộ vật chứng đã được chuyển sang Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tạm giữ, chờ xử lý.

Tại cáo trạng số: 71/CT-VKS-P1 ngày 17-8-2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Lê Hải Đ về tội “Buôn lậu” theo điểm a

Khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Hải Đ đã khai nhận hành vi phạm tội đúng theo kết luận điều tra vụ án và nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong phần tranh luận, đã phân tích tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của bị cáo, hậu quả xảy ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Hải Đ về tội “*Buôn lậu*”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 188; khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), tuyên phạt bị cáo từ 4 (bốn) tỷ đồng đến 05 (năm) tỷ đồng sung quỹ Nhà nước, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng của vụ án theo qui định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận như sau: Luật sư đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo thêm các tình tiết sau đây: bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, xuất thân trong gia đình đông anh em và không được ăn học đến nơi, đến chốn nên nhận thức pháp luật chưa đầy đủ dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo hiện đang có gia đình và một con nhỏ, vợ bị cáo không có công ăn việc làm, bị cáo hiện đang là lao động chính trong gia đình nên mức phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc trong khi bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại các điểm b, s, r Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo ở mức đầu khung của hình phạt.

Bị cáo đồng ý với ý kiến của luật sư và không bổ sung gì thêm. Lời nói sau cùng bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bào chữa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Cụ thể, xác định lại tư cách tố tụng của các nhân chứng được triệu tập đến phiên tòa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng các đương sự được triệu tập đến phiên tòa với tư cách nhân chứng đều có liên quan đến các vật chứng đã bị thu giữ trong vụ án nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia

phiên tòa là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Hải Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Hải Đ hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Đây là vụ án buôn lậu dầu Diesel Oil (D.O) do Lê Hải Đ thực hiện. Do biết được việc mua dầu Diesel Oil (D.O) không rõ nguồn gốc, xuất xứ trên biển có giá rẻ hơn so với giá thị trường và bán lại cho các tàu đánh bắt hải sản sẽ thu được lợi nhuận cao nên ngày 25/12/2018, Đ điều khiển tàu KM68, số đăng ký BV-96768-TS cùng 06 thuyền viên đi từ khu vực B, thành phố V đến khu vực biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam có tọa độ $06^{\circ}50'N-105^{\circ}10'E$ mua số lượng 600.000 lít dầu D.O từ tàu VIVA ONE không có hóa đơn chứng từ, không rõ nguồn gốc xuất xứ của đối tượng tên Quang H (không rõ nhân thân, địa chỉ) với giá 14.000 đồng/lít. Sau đó, Đ điều khiển tàu chở dầu đi về hướng C bán cho các tàu đánh bắt hải sản với giá 14.800 đồng/lít để kiếm lợi nhuận. Đến 23 giờ 40 phút ngày 27/12/2018, khi Đ đang chỉ đạo thuyền viên bơm dầu cho 02 ghe đánh bắt hải sản tại khu vực biển thuộc Lãnh hải của Việt Nam có tọa độ $8^{\circ}59'N-107^{\circ}20'E$ thì bị Lực lượng Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 3 kiểm tra, bắt quả tang. Tổng số lượng dầu D.O Lê Hải Đ buôn bán trái phép qua biên giới là 147.356 lít D.O có giá trị 2.357.696.000 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc bán dầu D.O là 44.400.000 đồng.

Hành vi của Lê Hải Đ mua dầu D.O từ vùng Đặc quyền kinh tế vận chuyển đến vùng Lãnh Hải để bán cho các ghe hải sản là đã đi qua đường biên giới trên biển nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn lậu” quy định tại Điều 188 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào giá trị số dầu DO lậu mà Đ mua bán, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố Lê Hải Đ về tội “Buôn lậu” theo qui định tại điểm a Khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:*

Bị cáo Lê Hải Đ là người có đầy đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo là thuyền trưởng tàu biển nên bị cáo phải nhận thức được mặt hàng xăng dầu là loại hàng hóa đặc biệt do nhà nước quản lý, có mức giá cụ thể và nguồn gốc xuất xứ trước khi lưu hành trên thị trường. Nhưng vì hám lợi, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, mua lại khối lượng dầu lớn trên biển với giá rẻ và bán lại cho các tàu đánh cá khác trên biển với giá cao để thu tiền chênh lệch hoặc đổi lấy hải sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại; xâm phạm đến an ninh đối nội, đối ngoại; những qui định về xuất, nhập khẩu dẫn đến hậu quả Nhà nước không kiểm soát được hàng hóa nhập khẩu, gây thất thoát thuế xuất nhập khẩu của Nhà nước. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

- Nhân thân và tình tiết tăng nặng: bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, khi bị bắt bị cáo đã tự thú về những lần mua bán xăng dầu trước đó, và nộp số tiền khắc phục hậu quả là 44.400.000 đồng nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm b, r, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Ngoài ra, bị cáo hiện đang là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo có con nhỏ nhưng không có công ăn việc làm ổn định. Dựa vào các tình tiết như đã phân tích, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi cuộc sống đời thường của xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa về việc áp dụng Điều 35 và Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về biện pháp tư pháp*: buộc bị cáo Lê Hải Đ phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 44.400.000 đồng, bị cáo đã nộp đủ.

[6] *Về xử lý vật chứng*:

- Đối với 91.856 lít dầu D.O thu giữ từ tàu KM68, Bộ tư lệnh vùng Cảnh sát biển 3 đã tiến hành thủ tục thẩm định giá, bán đấu giá tài sản được số tiền 982.859.200 đồng và chuyển vào tài khoản của Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Số tiền có được do đấu giá số lượng dầu của Lê Hải Đ buôn lậu nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước;

- Đối với Tàu KM68, số đăng ký BV-96768TS đây là tài sản hợp pháp của ông Võ Thành B nhưng cho Lê Hải Đ thuê tàu với lý do kinh doanh dịch vụ hậu cần thủy sản mà không biết việc Đ dùng tàu KM để buôn lậu dầu nên trả lại tàu KM cho ông Võ Thành B;

- 01 điện thoại vệ tinh Inmarsat, model S-09, số serial: S130701826 và 01 máy định vị vệ tinh nhãn hiệu Haiyang; số serial: S/N 70A00VNAE0D0007 (không có thể nhớ) được Lê Hải Đ sử dụng trong quá trình buôn lậu dầu nhưng các thiết bị nói trên gắn kèm tàu cá và thuộc sở hữu của ông Võ Thành B và ông B không biết Đ sử dụng vào mục đích buôn lậu nên trả lại cho ông B;

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 865/ĐKTC ngày 25/05/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp cho tàu BV-96768-TS (bản chính và bản sao); bản sao sổ Đăng kiểm tàu cá số 05/QT/17 ngày 12/04/2017 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp cho Tàu cá BV 96768-TS; 01 sổ đăng kiểm tàu cá BV 96768-TS; 01 biên bản kiểm tra kỹ thuật ngày 25/05/2018 (bản sao y chứng thực) thuộc quyền sở hữu của ông Võ Thành B không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho ông B;

- Đối với 12 điện thoại di động được xử lý như sau:

+ 01 điện thoại HTC 820 Gplus Imei: 352417071517866 và 01 điện thoại Samsung E1200y, số Imei: 356902082267037 là phương tiện liên lạc của Lê Hải Đ đối với những người mua dầu lậu vì vậy cần tịch thu, sung quỹ nhà nước;

+ 01 điện thoại Samsung J5 Prime, số Imei: 355079085068265, 01 điện thoại nokia 220, số Imei: 353057061454909 và 01 điện thoại Nokia 105, số Imei: 35368108444462 của ông Huỳnh Chí N không liên quan đến hành vi buôn lậu của Lê Hải Đ nên trả lại cho ông Huỳnh Chí N;

+ 01 điện thoại ITEL S12, số Imei: 354384093675445 của ông Nguyễn Tấn P không liên quan đến hành vi buôn lậu của Lê Hải Đ nên trả lại cho ông Nguyễn Tấn P;

+ 01 Điện thoại Samsung, số J4 Imei: 358131093605010 của ông Lâm Văn T không liên quan đến hành vi buôn lậu của Lê Hải Đ nên trả lại cho ông Lâm Văn T;

+ 01 điện thoại Samsung J8, số Imei: 359051092685995 của ông Lê Văn Bé H không liên quan đến hành vi buôn lậu của Lê Hải Đ nên trả lại cho ông Lê Văn Bé H;

+ 01 điện thoại Samsung J3 Pro, số Imei: 358868085214623; 01 điện thoại Nokia 105, số Imei: 35582009838792 của ông Trần Thành Đ không liên quan đến hành vi buôn lậu của Lê Hải Đ nên trả lại cho Trần Thành Đ

+ 01 điện thoại Sony Xperia Z, số Imei: 355666051098613; 01 điện thoại Nokia 3310, số Imei: 357329082882913 của ông Đặng Hữu T không liên quan đến hành vi buôn lậu của Lê Hải Đ nên trả lại cho ông Đặng Hữu T;

- Trả lại căn cước công dân số 087087000130 của Lê Hải Đ cho bị cáo; chứng minh nhân dân số 271477577 do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Đặng Hữu T cho ông T; chứng minh nhân dân số 371645520 ngày 22/3/2018 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp cho Trần Thành Đ cho ông Đ;

- Chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng tư số 11679 ngày 27/01/2014 của Trường trung cấp kỹ thuật Nông nghiệp Tp.HCM cấp cho Lê Hải Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ;

- Các vật chứng còn lại không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy bao gồm:

+ Danh sách thuyền viên số: 01A/DSTV ngày 28/12/2018 của Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển 3 cấp cho tàu BV-96768-TS;

+ 01 sổ danh bạ thuyền viên tàu cá KMBV 96768-TS;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 49.8030311 (bản sao y chứng thực);

+ 01 hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu số 24/2018/HĐĐLBTXD-TT (photo); 01 hợp đồng mua bán dầu DO số 16/2018/HĐKT (bản chính); 01 Biên lai thu tiền của Kho bạc Bình Thuận (photo); 01 Hóa đơn GTGT số 0001699 liên 2 đề ngày 16/09/2018 (bản chính); 59 mảnh giấy; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác tài sản số 60006827 (bản sao y chứng thực).

[7] *Về án phí*: bị cáo Lê Hải Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Hải Đ phạm tội “Buôn lậu”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 35 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Lê Hải Đ 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng).

Giao Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thi hành hình phạt theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-TA ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

2.1 Về biện pháp tư pháp: tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 44.400.000 đồng bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả (theo biên lai thu tiền số 0001281 ngày 04-8-2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

2.2 Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ Số tiền 982.859.200 đồng đã chuyển vào tài khoản 394109050151 của Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ 01 điện thoại HTC 820 Gplus, số Imei: 352417071517866 và 01 điện thoại Samsung E1200y, số Imei: 356902082267037;

- Trả lại cho ông Võ Thành B tàu KM68, số đăng ký BV-96768TS (hiện đang được giao cho ông Võ Thành B tạm thời bảo quản); 01 điện thoại vệ tinh Inmarsat, model S-09, số serial: S130701826 và 01 máy định vị vệ tinh nhãn hiệu Haiyang; số serial: 70A00VNAE0D0007 (không có thẻ nhớ); 01 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 865/ĐKTC ngày 25/05/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp cho tàu BV-96768-TS (bản chính và bản sao); bản sao sổ Đăng kiểm tàu cá số 05/QT/17 ngày 12/04/2017 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp cho Tàu cá BV 096768-TS; 01 sổ đăng kiểm tàu cá BV 96768-TS; 01 biên bản kiểm tra kỹ thuật ngày 25/05/2018 (bản sao y chứng thực);

- Trả lại cho ông Huỳnh Chí N 01 điện thoại Samsung J5 Prime, số Imei: 355079085068265, 01 điện thoại nokia 220, số Imei: 353057061454909 và 01 điện thoại Nokia 105, số Imei: 35368108444462;

- Trả lại cho ông Nguyễn Tấn P 01 điện thoại ITTEL S12, số Imei: 354384093675445;

- Trả lại cho ông Lâm Văn T 01 Điện thoại Samsung, số J4 Imei: 358131093605010;

- Trả lại cho ông Lê Văn Bé H 01 điện thoại Samsung J8, số Imei: 359051092685995;

- Trả lại cho ông Trần Thành Đ 01 điện thoại Samsung J3 Pro, số Imei: 358868085214623 và 01 điện thoại Nokia 105, số Imei: 35582009838792; chứng minh nhân dân số 371645520 ngày 22/3/2018 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp cho Trần Thành Đ;

- Trả lại cho ông Đặng Hữu T 01 điện thoại Sony Xperia Z, số Imei: 355666051098613 và 01 điện thoại Nokia 3310, số Imei: 357329082882913; chứng minh nhân dân số 271477577 do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Đặng Hữu T;

- Trả lại cho bị cáo Lê Hải Đ căn cước công dân số 087087000130; chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng tư số 11679 ngày 27/01/2014 của Trường trung cấp kỹ thuật Nông nghiệp Tp.HCM cấp cho Lê Hải Đ;

- Các vật chứng còn lại không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy bao gồm:

+ Danh sách thuyền viên số: 01A/DSTV ngày 28/12/2018 của Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển 3 cấp cho tàu BV-96768-TS;

+ 01 sổ danh bạ thuyền viên tàu cá KMBV 96768-TS;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 49.8030311 (bản sao y chứng thực);

+ 01 hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu số 24/2018/HĐĐLBTXD-TT (photo); 01 hợp đồng mua bán dầu DO số 16/2018/HĐKT (bản chính); 01 Biên lai thu tiền của Kho bạc Bình Thuận (photo); 01 Hóa đơn GTGT số 0001699 liên 2 đề ngày 16/09/2018 (bản chính); 59 mảnh giấy; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác tài sản số 60006827 (bản sao y chứng thực).

(Các vật chứng hiện đang được bảo quản chờ xử lý tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Biên bản giao nhận vật chứng số 69/BB-CTHADS ngày 18-8-2020 và Biên bản giao nhận vật chứng số 45/BB-CTHADS ngày 29/04/2021)

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/NQ/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Lê Hải Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THA dân sự tỉnh BR – VT;
- THAHS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thái Hùng